

ỨNG DỤNG QUAN ĐIỂM NGỮ PHÁP CHỨC NĂNG HIỆN ĐẠI VÀO KHẢO SÁT LẠI NHÓM TỪ: *Hãy, dừng, chờ*

Đào Thanh Lan

Khoa Ngôn ngữ

Đại học KH Xã hội & Nhân văn - ĐHQG Hà Nội

1. Nhận xét

Trong các công trình nghiên cứu ngữ pháp tiếng Việt trước đây như các sách "*Ngữ pháp tiếng Việt*" của Nguyễn Kim Thản [7], Nguyễn Tài Cẩn [5], Ủy ban khoa học xã hội [8], Đinh Văn Đức [3]; sách "*Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*" của Nguyễn Anh Quế [6],..., các từ *hãy*, *đừng*, *chờ* được xếp vào loại hư từ (vì không có khả năng biểu đạt ý nghĩa từ vựng) và được coi là phụ từ (phó từ) của động từ và chức năng ngữ pháp là biểu thị ý nghĩa cầu khiến (mệnh lệnh). Nguyễn Tài Cẩn cũng nhận định rằng: *hãy, dừng, chờ* là một trong năm nhóm hư từ có khả năng kết hợp với động từ theo quan hệ chính phụ tạo thành đoàn ngữ động từ (cụm từ chính - phụ có động từ là từ chính). Năm nhóm đó là:

Nhóm 1 gồm các từ: *đều, cũng, vẫn, cứ*: chỉ sự tiếp diễn tương tự của hành động (phụ từ so sánh).

Nhóm 2 gồm các từ: *từng, đã, vừa, mới, đang, sẽ*: chỉ thời gian của hành động (phụ từ thời gian).

Nhóm 3 gồm các từ: *không, chưa, chẳng*: chỉ sự phủ định hành động (phụ từ phủ định).

Nhóm 4 gồm các từ: *hãy, dừng, chờ*: chỉ lời khuyên nên (*hãy*) hoặc không nên (*đừng, chờ*) thực hiện hành động (phụ từ cầu khiến).

Nhóm 5 gồm các từ: *rất, hơi, khí, quá*: chỉ mức độ của trạng thái tính chất (phụ từ mức độ).

Hãy, dừng, chờ là một trong năm nhóm từ phụ của động từ, làm từ chính của động từ loại động từ trong thể đối lập động từ và danh từ vì chúng chỉ kết hợp với động từ theo trật tự: *hãy (đừng / chờ) + động từ* chứ không kết hợp với danh từ như thế.

Thực ra, cách nhìn trên chỉ xuất phát từ góc độ xét khả năng kết hợp của 1 từ với thực từ tạo thành tổ hợp chính phụ (đoàn ngữ) ở dạng lý thuyết trên cơ sở hiểu thu cách hiểu của các phạm trù ngữ pháp của động từ trong ngôn ngữ Án - Âu áp dụng vào ngôn ngữ đơn lập như tiếng Việt. Do đó quan điểm này nhìn cấu trúc ngữ

Đoạn tinh, tách khỏi hoạt động giao tiếp, chưa bao quát hết các khả năng hoạt động của từ trong ngữ lưu.”

Nguyễn Anh Quế phối hợp tiêu chuẩn dựa vào đoán ngữ của Nguyễn Tài Cẩn tiêu chuẩn dựa vào khả năng làm thành phần câu của Nguyễn Kim Thản cho rằng “phó từ không có khả năng làm trung tâm một cấu trúc đoán ngữ (chỉ làm thành tố phụ) và không thể làm thành phần chủ yếu của câu như chủ ngữ, vị ngữ [tr.66].

Nói đến khả năng làm thành phần câu tức là có tính đến chức năng. Tuy nhiên cách hiểu chức năng này chỉ tính từ một phương diện cấu trúc: vai trò của yếu tố trong cấu trúc câu.

Ngữ pháp chức năng hiện đại coi câu - đơn vị thực hiện chức năng giao tiếp, có hai bình diện: kết học, nghĩa học và dụng học. Ở câu mới có vấn đề tình thái phát ngôn, mục đích phát ngôn (mục đích giao tiếp) mà người nói cần thể hiện để giao tiếp. Cho nên việc nghiên cứu hoạt động của các yếu tố ngôn ngữ nhỏ hơn câu phải trong đơn vị câu thì mới khảo sát được tất cả các mặt giá trị và chức năng của yếu tố đó một cách toàn diện, khoa học.

Câu trong khi thực hiện chức năng thông báo phản ánh thực tại còn có chức năng truyền đi mục đích của việc thông báo ở người nói. Người nói muốn trần thuật sự kiện của thực tại, hay muốn hỏi về điều chưa rõ của sự kiện, hay muốn yêu cầu người làm cho sự kiện đó trở thành hiện thực. Tất cả những sắc thái đó là mục đích phát ngôn làm nên giá trị ngôn trung của câu khiếu cho câu có hiệu lực giao tiếp. Do vậy tổ chức cú pháp của câu ngoài chức năng phản ánh thực tại (nội dung thông báo, ví dụ: “Mẹ khóc” là một sự tình) còn có chức năng phản ánh mục đích phát ngôn (nội dung tình thái). Nội dung thông báo của câu bao gồm nội dung sự thật và nội dung tình thái. Nội dung sự tình thuộc về bình diện nghĩa học. Nội dung tình thái thuộc về bình diện dụng học. Vì vậy phân tích ngữ pháp theo quan điểm chức năng là từ, khi phân tích các yếu tố ở bình diện hình thức (phương tiện diễn đạt) phải đồng thời chú ý đến tất cả hai phương diện nội dung (nghĩa học và dụng học) để thấy các yếu tố hình thức đã được tổ chức để truyền tải hai nội dung ra sao.

Ngữ pháp truyền thống và ngữ pháp hình thức (cấu trúc) trước đây không chú trọng mối quan hệ đa diện giữa ba nhân tố trên; các kết luận thường chỉ được tính theo mối quan hệ hai bên bình diện: kết học và nghĩa học, nên những khái niệm đã có hưng từ, phụ từ, tiểu từ hay động từ, tính từ đều chưa biểu đạt hết được những đặc điểm chức năng của các từ tiếng Việt. Do đó việc xác định một khái niệm từ loại cụ cho nhóm từ: *hay, đúng, chờ* theo các thuật ngữ hiện có là còn bất cập.

¹ Ông sách Ngữ pháp tiếng Việt (tiếng - từ ghép - đoán ngữ)- 1975, Nguyễn Tài Cẩn viết: Đoán ngữ là đơn vị cấu trúc, tự thân nó chưa gắn với chức vụ ngữ pháp nào nên có thể nghiên cứu nó độc lập với chức vụ cú pháp (tr.150).

Đặc trưng đơn lập của tiếng Việt yêu cầu phải dùng phương pháp khảo sát pháp và dùng các tiêu chí cú pháp theo quan điểm ngữ pháp chức năng hiện đại tìm hiểu và xác định vấn đề của từ pháp.

Vì vậy chúng tôi sẽ khảo sát và phân tích hoạt động cụ thể của các từ *hay*, *đừng*, *chớ* theo quan điểm và phương pháp của ngữ pháp chức năng hiện đại, tức đi từ nội dung đến hình thức, từ mục đích đến phương tiện, từ ý nghĩa đến cấu trúc ngữ pháp rồi dựa vào những phát ngôn hiện thực trong từ liệu tiếng Việt ở văn b và khẩu ngữ để kiểm nghiệm tính đúng đắn của sự phân tích. Từ đó có thể trình b một giả thuyết về tên gọi cho nhóm từ này.

2. **Khả năng kết hợp của *hay*, *đừng*, *chớ* trong câu**

Những mục đích phát ngôn cơ bản làm nên các giá trị ngôn trung cơ bản phân biệt các kiểu câu là trần thuật, hỏi và cầu khiến. Một câu bên cạnh ngữ phản ánh còn hàm chứa một trong các nội dung tình thái trên. Nghĩa là một câu thể có: cấu trúc câu thể hiện mệnh đề lôgic phản ánh thực tại khách quan là c trúc Đề - Thuyết (chủ - vị) gồm một ngữ đoạn danh từ làm Đề ngữ kết hợp với m ngữ đoạn vị từ làm Thuyết ngữ, hàm chứa một mục đích giao tiếp nhất định (ho trần thuật, hoặc hỏi, hoặc cầu khiến). Câu được phân loại theo mục đích phát ng sẽ được gọi tên theo kiểu mục đích phát ngôn.

Câu trần thuật gồm cấu trúc mệnh đề (cấu trúc Đề - Thuyết) thể hiện n dung sự tình hàm chứa mục đích trần thuật.

Câu hỏi có cấu trúc mệnh đề (Đề - Thuyết) hàm chứa mục đích hỏi.

Câu cầu khiến gồm cấu trúc mệnh đề (Đề - Thuyết) hàm chứa mục đích c khiến.

Cấu trúc mệnh đề biểu hiện nội dung sự tình là sự kết hợp giữa danh từ/ d từ làm đề ngữ với vị từ làm thuyết ngữ theo mô hình:

Danh - Vị	kí hiệu D - V
Đề - Thuyết	kí hiệu Đ - T
Ví dụ: Mẹ	cười.

Ý nghĩa mục đích trần thuật là thuật lại (phản ánh) thực tại khách quan, đó, đề ngữ của câu trần thuật phải là danh từ / đại từ ở ngôi thứ ba (câu trần thu v về thực tại khách quan tồn tại ngoài chủ ngôn (chủ ngôn = người nói)), hoặc đề n là danh từ /đại từ ở ngôi thứ nhất (câu tự thuật: chủ ngôn tự thuật v về những sự ki mà chủ ngôn là người thực hiện).

Đề ngữ của câu trần thuật có thể là danh từ/ đại từ ở ngôi gộp (bao gồm ngôi 1 và ngôi 2)

Ví dụ: Hôm nay cả tôi và anh đều làm việc nhiều.

Hôm nay chúng ta làm việc nhiều.

ngôi gộp

Hiện tượng đề ngữ là danh/dại từ ngôi gộp ở các kiểu câu trần thuật, câu hỏi câu cầu khiến đều dùng như nhau.

Ví dụ: câu hỏi: Hôm nay chúng ta xem phim gì ?

câu cầu khiến: Chúng ta cùng học nào !

Nó không làm nên đặc điểm để phân biệt các kiểu câu theo mục đích phát ngôn nên sẽ không được đề cập ở đây).

Trong câu trần thuật, không có đề ngữ là danh / đại từ ở ngôi hai, vì ngôi hai người đối thoại trực tiếp với chủ ngôn.

Như vậy hình thức biểu hiện nội dung tình thái của câu trần thuật được thể hiện bằng dấu hiệu danh từ / đại từ làm Đề ngữ ở ngôi ba hoặc ngôi một kết hợp với vị từ.

Khác với câu trần thuật, câu hỏi và câu cầu khiến chỉ dùng trong đối thoại. Câu hỏi có mục đích hỏi người đối thoại về "cái không rõ" [4, tr.274- 276] để nhận được thông tin trả lời trực tiếp thỏa mãn cho điều chủ ngôn cần hỏi. Câu cầu khiến là câu người nghe thực hiện hành động mà chủ ngôn mong muốn. Vì thế, đề ngữ của câu hỏi và câu khiến là danh từ / đại từ ở ngôi hai.

Câu hỏi phân biệt với câu cầu khiến bằng sự có mặt của từ hỏi hoặc bằng câu trúc hỏi có...không, đã... chưa, hoặc bằng các tiểu từ: à, hả , ư , ... ở cuối câu.

Đó là những hình thức biểu hiện nội dung tình thái hỏi. Còn sự kết hợp của đại từ /dai từ ngôi 2 + vị từ theo câu trúc mệnh đề không tạo thành câu hiện thực.

*** T**

Đó chỉ là một khả năng lí thuyết, hầu như không được hiện thực hóa trong tiếng đồng ngôn ngữ.

Nét khả năng kết hợp của *hãy*, *đừng*, *chớ* ở các dạng câu ta thấy có hiện sau:

Câu trần thuật: Tôi nói (+) tôi hãy (đừng / chớ) nói (-).

Nó nói (+) nó hãy (đừng / chớ) nói (-).

Câu cầu khiến: Mày nói (-) mày hãy (đừng / chớ) nói (+).

Câu hỏi: a) Mày nói cái gì ? (+) mày hãy (đừng / chớ) nói cái gì (-)

b) Mày có nói không?(+) mày hãy (đừng / chớ) có nói không? (-)

Các ví dụ trên cho thấy câu trần thuật và câu hỏi không thể có *hãy* (*đừng* / *chớ*). Kết hợp giữa đại từ ngôi thứ hai và vị từ không tạo thành câu hiện thực. Câu cầu khiến được tạo thành bởi sự kết hợp của đại từ ngôi thứ hai với *hãy* (*đừng* / *chớ*) và vị từ. Điều này chứng minh: *hãy* (*đừng* / *chớ*) là hư từ tạo câu cầu khiến.

Câu cầu khiến có từ *hãy* biểu thị lời yêu cầu người nghe thực hiện hành động mà chủ ngôn mong muốn.

Câu cầu khiến có từ *đừng/chớ* biểu thị lời yêu cầu người nghe không thực hiện hành động.

Hãy (đừng /chớ) là dấu hiệu phân biệt câu cầu khiến với trấn thuật và câu hỏi mà đề ngữ đều là đại từ ngôi gộp đảm nhiệm.

Ví dụ: Hôm nay, chúng ta sửa bài. → câu trấn thuật.

Hôm nay, chúng ta làm gì? → câu hỏi.

Hôm nay, chúng ta *hãy* sửa bài. → câu cầu khiến.

Ngược lại, đứng từ phía người nghe đối với hiện tượng dùng danh từ chỉ quan hệ họ hàng, danh từ chỉ người làm đại từ nhân xưng lâm thời, có thể dựa vào đại từ để nhận biết danh từ đó ở ngôi nào. Sự có mặt của *hãy*, *đừng*, *chớ* giúp ta nhận diện câu cầu khiến từ đó suy ra danh từ ở Đề ngữ tương ứng với ngôi 2.

Dựa vào từ hỏi, khuôn cấu trúc hỏi ta xác định được câu hỏi. Từ đó cũng suy ra danh từ ở Đề ngữ tương ứng với ngôi 2. Còn ở câu trấn thuật, danh từ làm Đề ngữ sẽ tương ứng ngôi 3 (hoặc ngôi 1).

Ví dụ:

- Câu cầu khiến:

Ông *hãy* làm cho hồn anh ta được sống lại với thân xác này.
(ngôi 2)

(Hồn Trương Ba. Tuyển tập kịch Lưu Quang Vũ. tr. 338)

- Câu hỏi:

Ông *có* làm cho hồn anh ta được sống lại với thân xác này không?
(ngôi 2)

- Câu trấn thuật:

Ông làm cho hồn anh ta được sống lại với thân xác này.
(ngôi 3)

Như vậy: *hãy*, *đừng*, *chớ* cùng với hình thức ngôi hai của danh /đại từ ở Đề ngữ biểu hiện nội dung tình thái: câu khiến, đồng thời chúng cũng là điều kiện tóm tắt về hình thức kiểu câu cầu khiến theo sơ đồ cấu tạo sau:

(danh từ) đại từ ngôi 2 + *hãy* (đừng, chớ) + vị từ (+phu tố).

D

T

So sánh với sơ đồ câu hỏi

a) (Danh từ) đại từ ngôi 2 + vị từ + từ hỏi.

b) Đại từ hỏi: "ai" + vị từ.

c) Đại từ ngôi 2 + có + vị từ + không.

Đ T

Từ sơ đồ khái quát trên, ta có *hãy* (*đứng/chờ*) là nhóm hư từ tình thái câu ên có vị trí giữa câu, đứng sau phần Đề ngữ, đứng trước vị từ. Chính vị trí này là điểm hư từ của *hãy* (*đứng/chờ*) là cơ sở để các nhà Việt ngữ học truyền thống ~~điều~~ trục xếp chúng là phụ từ.

Chức năng của *hãy* (*đứng/chờ*) khác với các nhóm phụ từ đều, *cũng*, *vẫn*, *cứ*, *sẽ*, *đang*, *không*, *chưa*, *chẳng...* ở chỗ: phần Thuyết ngữ của câu trần thuật chỉ có vị từ (gồm động từ, tính từ) là đủ cho nòng cốt câu. Sự có mặt của phụ từ *hãy* vị từ nhằm bổ sung các sắc thái ý nghĩa tình thái phụ cho vị từ để đa dạng hóa thể hoá các sắc thái của mục đích trần thuật.

So sánh các ví dụ: Họ *sửa bài*.

Họ *cũng sửa bài*.

Họ *đang sửa bài*.

Họ *không sửa bài*.

Phụ từ có thể lược bỏ mà không làm ảnh hưởng đến chức năng làm Thuyết ngữ vị từ.

Ở câu cầu khiến, sự kết hợp của *hãy* (*đứng/chờ*) và vị từ mới làm nên phần ý nghĩa của câu, không có mặt *hãy* (*đứng/chờ*) chỉ có vị từ thì không có dạng câu cầu khiến.

Tác giả Cao Xuân Hạo trong cuốn "*Tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng*" [1] "*hãy*" là vị từ tình thái (mặc dù không giải thích) chúng tôi xuất phát từ quan niệm chức năng mà thấy rằng *hãy* (*đứng / chờ*) có chức năng của vị từ, chức năng thái hóa mục đích phát ngôn cầu khiến thành dạng thức câu cầu khiến.

Như vậy cách hiểu về từ loại vị từ trong thế đối lập với thể từ (danh từ) về các điểm ngữ pháp - chức năng có nội hàm ý nghĩa rộng hơn khái niệm vị từ của Nguyễn Kim Thản: vị từ gồm động từ và tính từ: vốn là thực từ.

Khái niệm *vị từ tình thái* để chỉ hư từ biểu đạt ý nghĩa tình thái có chức năng thuyết ngữ như vị từ thực từ trong câu cầu khiến gợi mở cho chúng tôi hướng *o sát* và xác định nội hàm ý nghĩa của các từ loại theo quan điểm chức năng.

Câu cầu khiến với *hãy* (*đứng / chờ*) còn có đặc điểm là chúng thường kết hợp *vị từ có phụ tố* (bổ ngữ, trạng ngữ của vị từ).

Ví dụ: Anh *đứng hút thuốc*!

Các anh *hãy đi nhanh hơn* !

Hiếm khi không kết hợp với vị từ không có phụ tố như:

Anh *đứng hút (-)*

Anh *hãy đi (-)*

Ở trường hợp này, bỏ câu sẽ dùng thêm tiểu từ câu khiến ở cuối câu như:

Anh đừng hút nhé !

Anh hãy đi đi !

Mặt khác nhờ sự có mặt của *hãy* (*đừng* / *chớ*) và / hoặc tiểu từ câu khiến ở cuối câu khiến có thể xuất hiện dưới dạng rút gọn để ngữ, chỉ còn thuyết ngữ.

Ví dụ: Hãy ăn cơm đi !

Chớ nói bậy !

Bởi vì Đề ngữ trong câu câu khiến luôn luôn là người nghe ở ngôi thứ hai. Điều này tạo ra sự khác biệt rõ rệt so với cách sử dụng của *hãy* (*đừng* / *chớ*) với khái niệm về tiểu từ trong cuốn "Từ loại" [1] mà có thể thấy rằng tiểu từ có các đặc điểm sau:

1. Về ngữ nghĩa: tiểu từ biểu đạt ý nghĩa tình thái trong mối quan hệ với người nghe, không chỉ là hành động, mà còn là trạng thái, cảm xúc, động lực, mục đích phát ngôn biểu thị cảm xúc của người nói.

2. Về ngữ pháp: tiểu từ thường đứng đầu hoặc cuối câu, ít chịu ảnh hưởng của các thành phần khác trong câu, có thể thay đổi vị trí và câu trúc.

Ta thấy:

1) *Hãy* (*đừng* / *chớ*) chỉ biểu đạt ý nghĩa tình thái câu khiến người nghe, không chỉ là hành động, mà còn là trạng thái, cảm xúc, động lực, mục đích phát ngôn biểu thị cảm xúc của người nói như các tiểu từ: đi, với, thôi, nhé, nào...

2) *Hãy* (*đừng* / *chớ*) không đứng đầu hoặc cuối câu mà đứng trước vị từ, có chức năng trong câu như vị từ.

Do đó không thể gọi *hãy* (*đừng* / *chớ*) là tiểu từ. Có lẽ trong các tên gọi hiện nay, tên gọi *vị từ* là chính xác nhất, vì nó chỉ rõ ràng hơn về chức năng của nó trong câu.

Tóm lại, tất cả những sự khảo sát và phân tích trên đã đưa đến kết luận: *hãy*, *đừng*, *chớ* là những hữ từ biểu đạt ý nghĩa tình thái câu khiến, có chức năng cung cấp thông tin về trạng thái, cảm xúc, động lực, mục đích của người nói, không chỉ là hành động, mà còn là trạng thái, cảm xúc, động lực, mục đích phát ngôn.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Cao Xuân Hạo. *Ngữ pháp tiếng Việt - sơ thảo ngữ pháp chức năng*. NXB Khoa học Xã hội thành phố Hồ Chí Minh. TPHCM, 1991.
- [2] Đào Thanh Lan "Một hướng vận dụng ngữ pháp chức năng để xác lập các tinh thần phân tích câu đơn hai thành phần tiếng Việt theo cấu trúc Đề Thuyết". Ngữ học trẻ 96 - Hội ngôn ngữ học Việt Nam xuất bản -1996.
- [3] Đinh Văn Đức. *Ngữ pháp Tiếng Việt - từ loại*. NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp, Hà Nội, 1986.

Hoàng Trọng Phiến. *Ngữ pháp Tiếng Việt - câu*. Hà Nội, 1980.

Nguyễn Tài Cẩn. *Ngữ pháp Tiếng Việt. Tiếng - Từ ghép - Đoản ngữ*. NXB Đại học và Trung học Chuyên nghiệp. Hà Nội, 1975.

Nguyễn Anh Quế. *Hư từ trong tiếng Việt hiện đại*. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1988.

Nguyễn Kim Thản. *Ngữ pháp Tiếng Việt*, tập 1, 2. NXB Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1964.

Ủy ban khoa học xã hội. *Ngữ pháp Tiếng Việt*, 1983.

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
CHÍ KHOA HỌC ĐHQGHN, KHXH, t.XVI, N°3, 2000

APPLY FUNCTIONAL GRAMMAR VIEWPOINT TO RESEARCH WORDS "HÃY, ĐỪNG, CHÓ"

Dao Thanh Lan

*Faculty of Linguistics
College of Social Sciences & Humanities - VNU*

The function of words "hãy, đừng, chớ" are based on a functional grammar viewpoint. When inserting them in a sentence, one must consider both semantical intent and modal content simultaneously.

"Hãy, đừng, chớ" express a request or a command. Therefore, they should be used as modal verbs.